

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T THÀNH PHỐ HÀ
NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/ST-DS

Ngày: 6-4-2018

V/v: *tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phương Thảo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Chu Thị Tuyết**
2. Ông **Đỗ Quang Linh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hương**

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố Hà Nội tham gia
phiên tòa:** Bà **Nguyễn Bích Thủy**-Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “*hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Vũ Văn K- sinh năm 1964

1.2. Bà Phạm Thị P- sinh năm 1966

Địa chỉ: Số 25, phố V, phường N, quận T, thành phố Hà Nội.

Ông K, bà P có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Trần Thị Hằng N- sinh năm 1960

2.2. Ông Nguyễn Đình T- sinh năm 1958

Địa chỉ: Số 23, phố V, phường N, quận T, thành phố Hà Nội

Bà N, ông T xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 9 tháng 5 năm 2017 và ngày 22.6.2017, bà Phạm Thị P và ông Vũ Văn K có đơn khởi kiện vụ án dân sự về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Trần Thị Hằng N, ông Nguyễn Đình T, yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

Buộc ông Nguyễn Đình T và bà Trần Thị Hằng N thanh toán trả số tiền nợ gốc theo các giấy vay tiền là 170.000.000 đồng và lãi của số tiền trên.

Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện đã nộp các tài liệu, chứng cứ sau đây:

1- Văn bản viết tay thể hiện các lần giao dịch vay.

2- Thông báo số 64/TB(ĐTTH) ngày 18.01.2017 và Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 27/CQĐT ngày 18.01.2017 của Công an quận T, thành phố Hà Nội

3- Bản sao giấy tờ tùy thân.

* Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác nhận khoản tiền vay trên là nợ riêng của bà Trần Thị Hằng N, ông Nguyễn Đình T không liên quan gì và không yêu cầu ông T phải thanh toán.

Bà Trần Thị Hằng N xác nhận còn nợ ông Vũ Văn K và bà Phạm Thị P số tiền nợ gốc là 170.000.000 đồng. Đây là nợ riêng của bà, ông T không liên quan gì. Do bà đang gặp khó khăn nên chưa có điều kiện trả. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Ông Trần Đình T trình bày: ông không liên quan gì đến việc vay nợ giữa bà Trần Thị Hằng N với ông Vũ Văn K, bà Phạm Thị P. Ông xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông Vũ Văn K và bà Phạm Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày, xác định ông Nguyễn Đình T không liên quan đến việc vay nợ, đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị Hằng N trả số tiền nợ gốc là 170.000.000 đồng, tự nguyện không yêu cầu bà N thanh toán tiền lãi. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng

dân sự về trình tự giải quyết vụ án; Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định hợp đồng vay tài sản là hợp pháp; buộc bà Trần Thị Hằng N phải thanh toán trả ông ông Vũ Văn K và bà Phạm Thị P số tiền nợ gốc là 170.000.000 đồng; bà Trần Thị Hằng N phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Hằng N, ông Nguyễn Đình T, đều có nguyện vọng đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án, xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết và xét xử vụ án.

Căn cứ khoản 4 Điều 207 vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị Hằng N, ông Nguyễn Đình T vắng mặt, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nguồn gốc tiền vay và nghĩa vụ trả nợ: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, có cơ sở xác định:

Các đương sự trong vụ án xác nhận: Ngày 13.10.2011, ông Vũ Văn K và bà Phạm Thị P đã cho bà Trần Thị Hằng N vay số tiền gốc là 450.000.000 đồng. Do là hàng xóm với nhau và là chỗ tin tưởng nên hai bên không thỏa thuận thời hạn vay. Lãi suất là 3,6%/tháng. Các bên đương sự xác nhận đây là khoản vay riêng giữa ông K, bà P với bà N, ông T không biết và không liên quan.

Sau đó, bà N đã trả nhiều lần trả tiền, bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi. Do bà N trả tiền thành nhiều lần nên hai bên không nhớ cụ thể ngày cuối cùng trả tiền là ngày bao nhiêu. Hai bên đã chốt nợ vào 01 tờ giấy, là tờ giấy nguyên đơn đã xuất trình cho Tòa án. Cụ thể, bà N trả tiền gốc cho ông Vũ Văn K và bà Phạm Thị P số tiền 280.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 170.000.000 đồng tiền gốc.

Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị Hằng N và ông T

trả cho số tiền gốc là 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi T đồng tiền gốc). Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn xác định do ông T không liên quan đến khoản vay nợ nên chỉ yêu cầu bà N có nghĩa vụ thanh toán. Do là hàng xóm và biết bà N khó khăn do làm ăn thua lỗ, lại đang ốm đau, bệnh tật nên nguyên đơn miễn tiền lãi cho bà N. Bà Trần Thị Hằng N xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 170.000.000 đồng, do làm ăn thua lỗ và đang ốm đau nên chưa có tiền để trả. Đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc vay tài sản giữa hai bên là có thật, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên là hợp pháp. Đây là hợp đồng vay tài sản không xác định thời hạn và có lãi. Việc vay nợ được xác nhận là khoản vay riêng giữa ông Vũ Văn K, bà Phạm Thị P và bà Trần Thị Hằng N, không liên quan đến ông Nguyễn Đình T. Các bên đương sự xác nhận số tiền gốc còn nợ là 170.000.000 đồng, theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh. Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi, sự tự nguyện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về các vấn đề khác của vụ án: Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Trần Thị Hằng N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ phải trả cho ông Vũ Văn K và bà Phạm Thị P, cụ thể:

Tổng số tiền phải thanh toán: 170.000.000 đồng có án phí là 170.000.000 đồng x 5% = 8.500.000 đồng.

Ông Vũ Văn K và bà Phạm Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 63, 220, 227, 264, 266, 267, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 116, 117, 463, 466, 469, 688 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn K và bà Phạm Thị P.

Buộc bà Trần Thị Hằng N phải thanh toán cho ông Vũ Văn K và bà Phạm Thị P số tiền nợ gốc là: 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi T đồng chẵn).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Vũ Văn K và bà Phạm Thị P không yêu cầu bà Trần Thị Hằng N phải thanh toán tiền lãi.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị Hằng N phải chịu 8.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Vũ Văn K và bà Phạm Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Vũ Văn K và bà Phạm Thị P số tiền 13.080.000 (mười ba T không trăm tám mươi ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 08426 ngày 29.01.2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T, thành phố Hà Nội.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T;
- Thi hành án dân sự quận T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phương Thảo

